| | |
|---|---|
| **TỔNG CÔNG TY IDICO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số/No: 950 /TCT-BTC<br>V/v: công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính<br>*Abt: Periodic information disclosure of financial statements* | **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom - Happiness**<br>*TP. HCM, ngày 29 tháng 8 năm 2023*<br>*HCM City, August 29 th 2023* |

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*;**
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange***

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty IDICO thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

*Complying with Provision no.3, 4 - Article 14 of Circulars 96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of Ministry of Finance about providing guidelines on disclosure of information on securities market, IDICO Corporation J.S.C discloses information on audited financial statements for 6 months of 2023 as below:*

**1. Tên tổ chức/*Organization*: Tổng công ty IDICO - CTCP/*IDICO Corporation - JSC***

- Mã chứng khoán/*Stock Symbol*: **IDC**

- Địa chỉ/*Address*: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh/*151A Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel*: (028)3843 8883 - 3935 1901 - Fax: (028)3931 2705

- E-mail: headoffice@idico.com.vn - Website: www.idico.com.vn

**2. Nội dung thông tin công bố/*Information disclosure:***

- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023/*Financial statements for 6 months of 2023*:

☐ Báo cáo tài chính riêng (Tổ chức niêm yết không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/*Separated financial statements (Public company without subsidiaries and does not have superior accounting unit that has affiliated units with separate accounting apparatus)*;

☒ Báo cáo tài chính hợp nhất (Tổ chức niêm yết có công ty con)/*Consolidated financial statements (Public company is a parent company with subsidiaries)*;

☒ Báo cáo tài chính tổng hợp (Tổ chức niêm yết có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/*General financial statements (Public company is a superior accounting unit that has affiliated units with separate accounting apparatus)*;

- Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân/*Events that need to be explained*:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với Báo cáo tài chính / *Auditor's report on the audit of such financial statements and its explanation about any qualified opinions on financial statements:*

☐ Có/Yes ☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explaination documents, if any*:

☐ Có/Yes ☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại /*Profit after tax of the reporting period between before and after audit increases/decreases by at least 5%, or changed from a positive number to a negative number or vice versa:*

☐ Có/Yes ☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explaination documents, if any*:

☐ Có/Yes ☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/*Profit after tax in the income statement of the reporting period increases/decreases by at least 10% compared to that of the same reporting period in the previous year*:

☒ Có/Yes ☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explaination documents, if any*:

☒ Có/Yes ☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/*Profit after tax of the reporting period is negative, year over year profit is changed from a positive number to a negative number or vice versa*:

☐ Có/Yes ☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explaination documents, if any*:

☐ Có/Yes ☒ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của của Tổng công ty IDICO vào ngày 29/8/2023 tại đường dẫn: ***http://www.idico.com.vn***, mục quan hệ cổ đông.

*All information above have been posted on August 29 th, 2023 on the company website at:* ***http://www.idico.com.vn***, *article "Investor Relations".*

**3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo/*Report about transactions with value equal to or above 35% of total net assets of the reporting period*:** Không/*No.*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

*We declare that all information provided in this paper is true and we shall be legally responsible for any mispresentation.*

***Nơi nhận/Recipients:***
- Như trên/*As stated above;*
- Website IDICO/*IDICO website;*
- Lưu: HC, KT/*Kept at Administrative dept, Accounting dept.*

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
***INFORMATION DISCLOSURE REPRESENTATIVE***
***VICE GENERAL DIRECTOR***

M.S.D.N: 0302177966-C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VIỆT TUẤN

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
DN: C=VN, S=TP Hồ Chí Minh, L=Quận 3, O=TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP, CN=TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302177966
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2023-08-29 19:42:42
Foxit Reader Version: 9.1.0

# TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023**

**Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 8 năm 2023**

# MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|---|---|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 4 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ | 5 - 6 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ | 7 - 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ | 10 - 11 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ | 12 - 60 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

### TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO") tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba nghìn tỷ Việt Nam đồng*), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật số căn cước công dân của người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp do cập nhật địa chỉ và vốn điều lệ của Tổng công ty từ 3.000.000.000.000 VND lên 3.299.999.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn Việt Nam đồng*), được chia thành 329.999.929 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

| | |
|---|---|
| Bà Nguyễn Thị Như Mai | Chủ tịch |
| Ông Đặng Chính Trung | Thành viên |
| Ông Nguyễn Cao Nguyên | Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023) |
| Ông Nguyễn Duy | Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023) |
| Ông Nguyễn Việt Tuấn | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023) |
| Bà Trần Thùy Giang | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023) |
| Ông Tôn Thất Anh Tuấn | Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023) |

**Ủy ban kiểm toán**

| | |
|---|---|
| Ông Tôn Thất Anh Tuấn | Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023) |
| Bà Trần Thùy Giang | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023) |

**Ban kiểm soát**

| | |
|---|---|
| Ông Hoàng Văn Hiến | Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023) |
| Ông Đào Hữu Thắng | Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023) |
| Ông Võ Tấn Dũng | Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023) |

**Ban Tổng giám đốc**

| | |
|---|---|
| Ông Đặng Chính Trung | Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Hồng Hải | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Minh | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Phan Văn Chính | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Việt Tuấn | Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023) |

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

M.S.D.N: 0302177966-C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Nguyễn Việt Tuấn**
**Phó Tổng giám đốc**
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023*

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

*Số: 151/2023/BCSX-CPA VIETNAM-HCM*

# BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
**Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng giám đốc**
**Tổng Công ty IDICO - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty IDICO - CTCP, được lập ngày 25/8/2023, từ trang 07 đến trang 60, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

**Nguyễn Thị Mai Hoa**
**Phó Tổng Giám đốc**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
*Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐTV, Tổng giám đốc*
Thay mặt và đại diện
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**
**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**
*Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2023*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

| TÀI SẢN | MS | TM | 30/6/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|---|---|---|---|---|
| **A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)** | **100** | | **2.103.742.895.305** | **1.461.660.303.016** |
| **I- Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **5.1** | **684.073.886.454** | **556.918.374.255** |
| 1. Tiền | 111 | | 18.073.886.454 | 260.118.374.255 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 666.000.000.000 | 296.800.000.000 |
| **II- Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | | **268.313.400.000** | **352.570.957.696** |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5.2 | 268.313.400.000 | 352.570.957.696 |
| **III- Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **1.107.847.691.139** | **504.377.198.627** |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.4 | 182.138.823.982 | 203.150.161.031 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.5 | 32.533.489.995 | 55.368.957.506 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.6 | 130.250.000.000 | 49.250.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.7 | 813.271.403.761 | 236.832.745.475 |
| 5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 137 | 5.8 | (50.346.026.599) | (40.224.665.385) |
| **IV- Hàng tồn kho** | **140** | **5.9** | **17.377.730.847** | **12.272.852.060** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 17.377.730.847 | 12.272.852.060 |
| **V- Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **26.130.186.865** | **35.520.920.378** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.13 | 18.776.495.435 | 24.273.670.003 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 7.353.691.430 | 11.107.401.375 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 5.14 | - | 139.849.000 |
| **B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)** | **200** | | **9.750.891.025.533** | **10.265.253.676.940** |
| **I Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | **495.447.500.000** | **1.105.447.500.000** |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | 5.6 | 5.540.000.000 | 5.540.000.000 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.7 | 489.907.500.000 | 1.099.907.500.000 |
| **II Tài sản cố định** | **220** | | **5.172.516.468.937** | **5.588.865.667.682** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.10 | 1.800.339.256.438 | 1.846.510.516.479 |
| - *Nguyên giá* | *222* | | *2.868.650.392.181* | *2.868.686.647.469* |
| - *Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | | *(1.068.311.135.743)* | *(1.022.176.130.990)* |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.11 | 3.372.177.212.499 | 3.742.355.151.203 |
| - *Nguyên giá* | *228* | | *4.534.881.472.150* | *4.534.881.472.150* |
| - *Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | | *(1.162.704.259.651)* | *(792.526.320.947)* |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **230** | | **-** | **-** |
| **IV. Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | | **1.773.289.509.242** | **1.230.517.022.393** |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.12 | 1.773.289.509.242 | 1.230.517.022.393 |
| **V. Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | **5.3** | **2.059.819.729.490** | **2.071.929.117.871** |
| 1. Đầu tư vào Công ty con | 251 | | 1.980.554.339.870 | 1.980.554.339.870 |
| 2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 168.930.017.481 | 168.930.017.481 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 112.409.084.484 | 112.409.084.484 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (202.073.712.345) | (189.964.323.964) |
| **VI Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **249.817.817.864** | **268.494.368.994** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.13 | 241.185.504.669 | 259.862.055.799 |
| 2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 8.632.313.195 | 8.632.313.195 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)** | **270** | | **11.854.633.920.838** | **11.726.913.979.956** |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 30/6/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|---|---|---|---|---|
| **C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)** | **300** | | **7.424.147.560.265** | **7.194.349.404.301** |
| **I- Nợ ngắn hạn** | **310** | | **1.171.042.460.484** | **1.563.063.717.914** |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.15 | 99.557.269.925 | 278.253.257.739 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 40.487.244.190 | 39.530.492.836 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.14 | 175.615.452.948 | 358.697.661.992 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 777.351.873 | 10.213.362.005 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 32.133.556.966 | 38.576.464.386 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 5.19 | 160.741.058.620 | 106.936.692.722 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.17 | 160.017.332.589 | 166.412.018.109 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.18 | 476.694.677.550 | 557.162.228.440 |
| 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 25.018.515.823 | 7.281.539.685 |
| **II- Nợ dài hạn** | **330** | | **6.253.105.099.781** | **5.631.285.686.387** |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 5.19 | 3.479.199.302.864 | 3.154.906.815.678 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.17 | 580.000.000.000 | 580.000.000.000 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.18 | 2.193.905.796.917 | 1.896.378.870.709 |
| **D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)** | **400** | | **4.430.486.360.573** | **4.532.564.575.655** |
| **I- Vốn chủ sở hữu** | **410** | **5.20** | **4.430.486.360.573** | **4.532.564.575.655** |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 3.299.999.290.000 | 3.299.999.290.000 |
| *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *3.299.999.290.000* | *3.299.999.290.000* |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 41.722.046.647 | 41.722.046.647 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 511.865.381.008 | - |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 576.899.642.918 | 1.190.843.239.008 |
| *- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước* | *421a* | | - | *153.045.531.706* |
| *- LNST chưa phân phối kỳ này* | *421b* | | *576.899.642.918* | *1.037.797.707.302* |
| **II- Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** | | - | - |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)** | **440** | | **11.854.633.920.838** | **11.726.913.979.956** |

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Phó Tổng giám đốc |
|---|---|---|
| Trần Thị Ngọc Loan | Trần Thị Ngọc | Nguyễn Việt Tuấn |

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
M.S.D.N: 0302177966-C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

| | CHỈ TIÊU | MS | TM | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 1.116.217.784.214 | 2.888.848.717.192 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | 6.1 | 1.116.217.784.214 | 2.888.848.717.192 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 476.640.668.738 | 939.524.066.080 |
| **5.** | **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)** | **20** | | **639.577.115.476** | **1.949.324.651.112** |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 168.984.715.717 | 106.457.754.831 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 73.069.215.893 | 28.741.902.726 |
| | *Trong đó: Chi phí lãi vay* | *23* | | *60.959.827.512* | *28.741.902.726* |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 14.345.275.042 | - |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 37.262.718.704 | 11.845.119.362 |
| **10.** | **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}** | **30** | | **683.884.621.554** | **2.015.195.383.855** |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 1.718.555.741 | 3.685.319.915 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | 6.7 | 191.159.000 | 569.805.053 |
| **13.** | **Lợi nhuận khác (40 = 31-32)** | **40** | | **1.527.396.741** | **3.115.514.862** |
| **14.** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)** | **50** | | **685.412.018.295** | **2.018.310.898.717** |
| 15. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.9 | 108.512.375.377 | 391.236.538.733 |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| **17.** | **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)** | **60** | | **576.899.642.918** | **1.627.074.359.984** |

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Phó Tổng giám đốc |
|---|---|---|
| Trần Thị Ngọc Loan | Trần Thị Ngọc | Nguyễn Việt Tuấn |

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
M.S.D.N: 0302177966-C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

| | CHỈ TIÊU | MS | TM | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|---|---|---|
| **I.** | **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh** | | | | |
| ***1.*** | ***Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | | ***685.412.018.295*** | ***2.018.310.898.717*** |
| ***2.*** | ***Điều chỉnh cho các khoản:*** | | | | |
| - | Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT | 02 | | 416.312.943.457 | 568.710.051.502 |
| - | Các khoản dự phòng | 03 | | 22.230.749.595 | (5.060.857.976) |
| - | Lỗ, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (4.939.666) | - |
| - | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (168.979.776.051) | (128.907.456.533) |
| - | Chi phí lãi vay | 06 | | 60.959.827.512 | 28.741.902.726 |
| ***3.*** | ***Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | | ***1.015.930.823.142*** | ***2.481.794.538.436*** |
| - | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 15.073.261.661 | (643.759.272.537) |
| - | Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (5.104.878.787) | 156.332.958 |
| - | Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 258.140.386.407 | (1.674.161.221.606) |
| - | Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 24.173.725.698 | 94.634.222.279 |
| - | Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | 123.341.238.230 |
| - | Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (61.776.833.102) | (26.649.389.539) |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (370.894.060.186) | (53.915.078.071) |
| - | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.241.023.862) | (2.305.000.000) |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | **20** | | ***874.301.400.971*** | ***299.136.370.150*** |
| **II.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | (542.736.231.561) | (223.227.267.378) |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | - | 51.373.750.208 |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (228.513.400.000) | (210.810.841.275) |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 231.770.957.696 | 425.000.000.000 |
| 5. | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (86.578.000.000) |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 235.208.219.609 | 126.716.963.558 |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | | ***(304.270.454.256)*** | ***82.474.605.113*** |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|---|---|
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 377.526.926.208 | 1.835.917.818.566 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (160.467.550.890) | (2.129.141.874.372) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (659.939.749.500) | (180.174.648.000) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | | ***(442.880.374.182)*** | ***(473.398.703.806)*** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)** | **50** | | **127.150.572.533** | **(91.787.728.543)** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu kỳ** | **60** | **5.1** | **556.918.374.255** | **352.601.391.696** |
| *Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ* | 61 | | 4.939.666 | - |
| **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)** | **70** | **5.1** | **684.073.886.454** | **260.813.663.153** |

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Phó Tổng giám đốc |
|---|---|---|
| Trần Thị Ngọc Loan | Trần Thị Ngọc | Nguyễn Việt Tuấn |

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
M.S.D.N: 0302177966-C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty IDICO - CTCP tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ Việt Nam đồng), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng Công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật số căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật địa chỉ và vốn điều lệ của Tổng công ty từ 3.000.000.000.000 VND lên 3.299.999.290.000 VND (Ba nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn Việt Nam đồng), được chia thành 329.999.929 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Tổng công ty tại ngày 30/6/2023 là 150 người (tại ngày 31/12/2022: 151 người).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng Công ty IDICO - CTCP kinh doanh đúng theo các ngành nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong kỳ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và sản xuất kinh doanh điện.

### 1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### 1.5 Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30/6/2023, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

| Stt | Tên công ty | Tên công ty viết tắt | Địa chỉ | Hoạt động chính | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **A.** | **Các công ty con** | | | | | |
| 1 | Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO | IDICO - MCI | KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiền, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. | Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng | 81,94% | 81,94% |
| 2 | Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO | IDICO - UDICO | Đường số 4, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiền, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. | Kinh doanh điện và xây lắp | 66,93% | 66,93% |
| 3 | Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO | IDICO - LINCO | Số 88, quốc lộ 1 (tuyến tránh), phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An. | Đầu tư, kinh doanh bất động sản và xây lắp | 51,00% | 51,00% |
| 4 | Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO | IDICO - CONAC | Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. | Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp | 51,00% | 51,00% |
| 5 | Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO | IDICO - INCO 10 | Số 43A, đường 3/2, phường Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ | Xây lắp | 97,78% | 97,78% |
| 6 | Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO | IDICO - INCON | Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM | Tư vấn đầu tư xây dựng | 70,40% | 70,40% |
| 7 | Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO | IDICO - URBIZ | Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiền, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai | Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp | 100,00% | 100,00% |
| 8 | Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO | IDICO - SHP | Thôn 7, xã Long Bình, H.Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. | Sản xuất kinh doanh điện và nước sạch | 51,78% | 51,78% |
| 9 | Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO | IDICO - IDI | Km 1906+700, Quốc lộ 1A, KP 5, phường Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.HCM | BOT giao thông, xây lắp | 57,50% | 57,50% |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1.5 Cấu trúc Tổng công ty (Tiếp theo)**

| Stt | Tên công ty | Tên công ty viết tắt | Địa chỉ | Hoạt động chính | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ KCN IDICO | IDICO - ISC | Số 48, khu phố 3, phường An Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. | Cung cấp dịch vụ trong KCN | 100,00% | 100,00% |
| 11 | Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO | IDICO - QUE VO | Tầng 13, Tòa nhà HH3, Đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, Tp.Hà Hội | Kinh doanh hạ tầng KCN | 54,94% | 54,94% |
| 12 | Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO | IDICO - TCC | Số 304, đường Trần Hưng Đạo, Tp.Thái Bình, tỉnh Thái Bình | Xây lắp | 95,19% | 95,19% |
| 13 | Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang | IDICO - ITC | Số 138 Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam. | Kinh doanh hạ tầng KCN | 65,00% | 65,00% |
| 14 | Công ty Cổ phần IDERGY | IDERGY | Số 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | Sản xuất, phân phối điện, xây lắp | 99,99% | 99,99% |
| **B.** | **Các công ty liên doanh, liên kết** | | | | | |
| 1 | Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu | BVEC | Km 11, quốc lộ 51, xã Tam Phước, Tp.Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | BOT giao thông và vật liệu xây dựng | 49,00% | 49,00% |
| 2 | Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO | LAMA IDICO | Km 23, QL 51, Ấp 1, xã Long An, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai | Gia công cơ khí và lắp đặt thiết bị | 20,13% | 20,13% |
| **C.** | **Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty IDICO - CTCP** | | | | | |
| 1 | Chi nhánh IDICO - Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 | IDICO - DAK MI 3 | 133 Phạm Văn Đồng, thị trấn Khâm Đức, H.Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam. | Quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 | | |
| 2 | Chi nhánh IDICO tại Hà Nội | IDICO - HA NOI | Tầng 13 - Tòa nhà SUDICO, Đường Mễ Trì- Mỹ Đình, phường Mỹ Đình I, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội | Xây lắp công trình dân dụng | | |
| 3 | Chi nhánh IDICO tại Miền Đông | IDICO - IEB | Tầng 3 tòa nhà IDICO-URBIZ, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Hiệp Phước, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. | Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp | | |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Tổng công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

## 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ quan Tổng công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Cơ quan Tổng công ty với các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Nguyên tắc kế toán các loại tỷ giá hối đoái áp dụng**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

(i) Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản: Áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.

(ii) Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc kế toán tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng kể từ ngày gửi, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2014. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kể từ ngày 01/3/2018 (Tổng công ty IDICO chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần), giá trị khấu hao của tài sản cố định trong kỳ được tính bằng giá trị còn lại của tài sản tại ngày 01/3/2018 chia cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | Số năm |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10-50 |
| Máy móc, thiết bị | 08-10 |
| Thiết bị văn phòng | 03-05 |
| Phương tiện vận tải | 08-10 |
| Hệ thống đường, thoát nước Khu công nghiệp | 05-20 |

Đối với những tài sản cố định hữu hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Tổng công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Tổng công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3: Thời gian bắt đầu tính khấu hao từ thời điểm phát điện thương mại theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25/8/2014 của Chính phủ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, tài sản cố định vô hình khác và giá trị quyền sử dụng đất, chi phí san nền, đền bù và giải phóng mặt bằng của các Khu công nghiệp, các khu đô thị ...,. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo plương pháp đường thẳng và theo thời gian được giao, thuê đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Đối với những tài sản cố định vô hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Tổng công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Tổng công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần điện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng kỳ.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty bao gồm các chi phí sau:

***Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:***

Tiền thuê đất trả trước tại các khu công nghiệp phản ánh tiền thuê đất trả trước cho Nhà nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp chi phí phù hợp với doanh thu.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu): là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/6/2023, Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với doanh thu, giá vốn hạch toán một lần trong kỳ.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 30/6/2023, Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với doanh thu, giá vốn hạch toán một lần trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG ((TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)**

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và công cụ dụng cụ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ, giá trị công cụ dụng cụ đã phân bổ 100% được đánh giá lại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng công ty và người bán (là đơn vị độc lập bao gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không hao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay tổng hợp cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, có 67.956.747.816 VND (cho kỳ kế toán kết thúe ngày 30/6/2022: 35.228.936.957 VND) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay liên quan đến Nhà máy thủy điện Đak Mi 3, các khu công nghiệp.
- Chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện.
- Chi phí Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2.
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời gian cho thuê trên hợp đồng hoặc phân bổ một lần phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp:***

Tổng công ty áp dụng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

***Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp (Tiếp theo):***

(b) Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;

(c) Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;

(d) Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đồng thời, Tổng công ty thực hiện việc trích khấu hao của tài sản cố định một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong Khu công nghiệp của các hợp đồng còn lại được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên thuê được bên thuê chấp thuận thanh toán và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

***Doanh thu kinh doanh điện***

Doanh thu được xác định và ghi nhận dựa vào bảng kê sản lượng điện theo từng giờ, từng ngày và giá bán theo Hợp đồng mua bán điện số 03/2017/HĐ-NMĐ-Đak Mi 3 ngày 31/3/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04 ngày 01/6/2020 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty IDICO về việc mua bán điện Nhà máy thủy điện Đak Mi 3.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ và kinh doanh điện là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất điện trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Giá vốn cho thuê hạ tầng là toàn bộ các chi phí về san lấp mặt bằng, chi phí đền bù, chi phí xây dựng, chi phí khác phát sinh trong quá trình hình thành tài sản liên quan đến các hoạt động cho thuê lại đất trong các khu công nghiệp hiện tại và trong tương lai. Đơn giá vốn cho $1m^2$ cho thuê lại đất trong Khu công nghiệp được xác định bằng Tổng mức đầu tư đã tập hợp chi phí phù hợp với tình hình thực tế của dự án chia cho diện tích kinh doanh trong từng khu công nghiệp.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là đo điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Hoạt động kinh doanh tại Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (2017-2031). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3717743015 ngày 23/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 được miễn bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2017 - 2020) và giảm 50% trong chín năm tiếp theo (2021 - 2029).
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:**

**(i) Khu công nghiệp Mỹ Xuân A**: Miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8751/BKH-PTDN ngày 19/12/2005 của Bộ Kế hoạch và đầu tư (từ năm 2009 đến năm 2054).

**(ii) Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5**: Theo Quyết định số 10122/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai và Quyết định số 10123/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai, được miễn tiền thuê đất:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2004 đến năm 2010) và được miễn tiền thuê đất 11 năm theo ưu đãi đầu tư kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2011 đến năm 2021).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp trong kỳ 2017 theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

**(iii) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2:**

+ Theo Quyết định số 1829/QĐ-CTBRV ngày 04/8/2023 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 20 năm, từ ngày 19/12/2007 đến ngày 31/12/2027 đối với hợp đồng thuê đất số 51/HĐTĐ ngày 24/9/2009.

+ Theo Quyết định số 1830/QĐ-CTBRV ngày 04/8/2023 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 19,83 năm, từ ngày 26/02/2009 đến ngày 31/12/2028 đối với hợp đồng thuê đất số 52/HĐTĐ ngày 24/9/2009.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**(iv) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng**: Theo Quyết định số 1688/QĐ-CT ngày 09/3/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc miễn tiền thuê đất cho Tổng công ty IDICO - CTCP: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 18 năm, từ ngày 18/01/2011 đến ngày 17/10/2029 đối với Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/3/2011 và số 2969/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc cho thuê đất, hợp đồng thuê đất số 45/HĐTD ngày 07/11/2011 và số 51/HĐTĐ ngày 19/11/2018.

**(v) Khu công nghiệp Hựu Thạnh:** Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6567676128 ngày 27/9/2018:

+ Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ ngày 06/8/2019 đến ngày 05/8/2034).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp theo Thông báo số 513/TBHKDCN-CT ngày 23/6/2020 của Cục thuế tỉnh Long An: Lần 1 ngày 17/8/2020 (50%) và lần 2 ngày 23/9/2020 (50%).

**(vi) Khu công nghiệp Cầu Nghìn:** Theo Quyết định số 563/QĐ-CT ngày 31/3/2021 của Cục thuế tỉnh Thái Bình về việc miễn tiền thuê đất theo ưu đãi đầu tư: Miễn 6 năm 7 tháng (từ tháng 11/2018 đến tháng 05/2025) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền đất, thuê mặt nước.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 30/6/2023<br>VND | 01/01/2023<br>VND |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 4.459.458.216 | 19.198.161.739 |
| Tiền gửi ngân hàng | 13.614.428.238 | 240.920.212.516 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 666.000.000.000 | 296.800.000.000 |
| **Tổng** | **684.073.886.454** | **556.918.374.255** |

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng với lãi suất bình quân từ 4,3%/năm đến 5,0%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.2 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

| | 30/6/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|---|---|---|---|---|
| | **Giá gốc** | **Giá trị ghi sổ** | **Giá gốc** | **Giá trị ghi sổ** |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tp. HCM | 45.113.400.000 | 45.113.400.000 | 85.200.000.000 | 85.200.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM | - | - | 44.170.957.696 | 44.170.957.696 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành | 63.200.000.000 | 63.200.000.000 | 63.200.000.000 | 63.200.000.000 |
| **Tổng (i)** | **268.313.400.000** | **268.313.400.000** | **352.570.957.696** | **352.570.957.696** |

(i) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng của Tổng công ty tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 5,7%/năm đến 10,5%/năm. Tại ngày 30/6/2023, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị là 100.000.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Thuyết minh 5.18).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Tỷ lệ | | Tại ngày 30/6/2023 (VND) | | | Tại ngày 01/01/2023 (VND) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đối tượng đầu tư** | **Vốn nắm giữ (%)** | **Quyền biểu quyết (%)** | **Giá gốc** | **Giá trị hợp lý** | **Dự phòng** | **Giá gốc** | **Giá trị hợp lý** | **Dự phòng** |
| **I.Đầu tư vào Công ty con** | | | **1.980.554.339.870** | | **(35.798.419.516)** | **1.980.554.339.870** | | **(35.798.419.516)** |
| IDICO - MCI (iii) | 81,94% | 81,94% | 18.356.046.908 | | (18.356.046.908) | 18.356.046.908 | | (18.356.046.908) |
| IDICO - UDICO (ii) | 66,93% | 66,93% | 138.177.060.000 | 172.946.797.000 | - | 138.177.060.000 | 202.663.661.500 | - |
| IDICO - LINCO (ii) | 51,00% | 51,00% | 55.409.106.453 | 156.978.000.000 | - | 55.409.106.453 | | - |
| IDICO - CONAC (i), (ii) | 51,00% | 51,00% | 32.039.472.494 | 587.826.000.000 | - | 32.039.472.494 | 492.660.000.000 | - |
| IDICO - INCO 10 (iii) | 97,78% | 97,78% | 17.648.011.208 | | (5.865.162.608) | 17.648.011.208 | | (5.865.162.608) |
| IDICO - INCON (ii) | 70,40% | 70,40% | 7.194.400.000 | 27.456.000.000 | - | 7.194.400.000 | 33.651.200.000 | - |
| IDICO - URBIZ (iii) | 100,00% | 100,00% | 400.000.000.000 | | - | 400.000.000.000 | | - |
| IDICO - SHP (ii) | 51,78% | 51,78% | 275.136.264.631 | 465.980.000.000 | - | 275.136.264.631 | 442.681.000.000 | - |
| IDICO - IDI (ii) | 57,50% | 57,50% | 181.437.568.176 | 240.291.982.500 | - | 181.437.568.176 | 232.401.798.000 | - |
| IDICO - ISC (iii) | 100,00% | 100,00% | 100.000.000.000 | | - | 100.000.000.000 | | - |
| IDICO - QUE VO (iii) | 54,94% | 54,94% | 58.589.200.000 | | - | 58.589.200.000 | | - |
| IDICO - TCC (iii) | 95,19% | 95,19% | 11.577.210.000 | | (11.577.210.000) | 11.577.210.000 | | (11.577.210.000) |
| IDICO - ITC (iii) | 65,00% | 65,00% | 585.000.000.000 | | - | 585.000.000.000 | | - |
| IDERGY (iii) | 99,99% | 99,99% | 99.990.000.000 | | - | 99.990.000.000 | | - |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

| | Tỷ lệ | | Tại ngày 30/6/2023 (VND) | | | Tại ngày 01/01/2023 (VND) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đối tượng đầu tư** | **Vốn nắm giữ (%)** | **Quyền biểu quyết (%)** | **Giá gốc** | **Giá trị hợp lý** | **Dự phòng** | **Giá gốc** | **Giá trị hợp lý** | **Dự phòng** |
| **II. Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết** | | | **168.930.017.481** | | **(159.964.200.381)** | **168.930.017.481** | | **(150.712.000.000)** |
| BVEC (iii) | 49,00% | 49,00% | 150.712.000.000 | | (150.712.000.000) | 150.712.000.000 | | (150.712.000.000) |
| LAMA IDICO (ii) | 20,13% | 20,13% | 18.218.017.481 | 8.965.817.100 | (9.252.200.381) | 18.218.017.481 | | - |
| **III. Đầu tư vào đơn vị khác** | | | **112.409.084.484** | | **(6.311.092.448)** | **112.409.084.484** | | **(3.453.904.448)** |
| Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO (ii) | 1,22% | 1,22% | 8.393.000.000 | 11.088.000.000 | - | 8.393.000.000 | 9.779.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn (ii) | 8,54% | 8,54% | 28.256.416.000 | 62.870.516.700 | - | 28.256.416.000 | 34.614.104.700 | - |
| Trường Đại Học Vinh (iii) | 7,17% | 7,17% | 10.217.858.042 | | (3.453.904.448) | 10.217.858.042 | | (3.453.904.448) |
| Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam (iii) | 8,91% | 8,91% | 3.119.400.000 | | - | 3.119.400.000 | | - |
| Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Tổng hợp (ii) | 4,76% | 4,76% | 2.951.688.000 | 94.500.000 | (2.857.188.000) | 2.951.688.000 | | - |
| Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Thuận (iii) | 1,63% | 1,63% | 14.470.722.442 | | - | 14.470.722.442 | | - |
| Công ty TNHH Cảng Quốc tế Mỹ Xuân (iii) | 15,00% | 15,00% | 45.000.000.000 | | - | 45.000.000.000 | | - |
| **Tổng** | | | **2.261.893.441.835** | | **(202.073.712.345)** | **2.261.893.441.835** | | **(189.964.323.964)** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(i) IDICO-CONAC thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu Nghị quyết số 07/NQ-CT ngày 25/4/2023 của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và theo Nghị quyết số 09/NQ-CT ngày 11/5/2023 của HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Đầu Khí IDICO (IDICO-CONAC) về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022, tỷ lệ thực hiện quyền: 100:70 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 70 cổ phiếu phát hành). Tổng công ty IDICO nhận được 4.284.00 cổ phiếu, tương ứng giá trị theo mệnh giá: 42.840.000.000 VND. Theo đó, số lượng cổ phiếu IDICO nắm giữ sau khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu: 10.404.000 cổ phiếu, chiếm 51% Vốn điều lệ tại IDICO-CONAC

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30/6/2023 được trình bày:

(ii) Tổng công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và số lượng cổ phiếu mà Tổng công ty đang nắm giữ.

(iii) Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

## 5.4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 30/6/2023<br>VND | 01/01/2023<br>VND |
|---|---|---|
| Công ty mua bán điện | 89.140.067.024 | 107.908.647.206 |
| Công ty TNHH Trịnh Gia Thịnh | 31.793.934.199 | 31.793.934.199 |
| Phải thu của khách hàng khác | 61.204.822.759 | 63.447.579.626 |
| **Tổng** | **182.138.823.982** | **203.150.161.031** |
| ***Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan*** *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)* | - | ***91.693.800*** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 30/6/2023<br>VND | 01/01/2023<br>VND |
|---|---|---|
| IDICO - LINCO | 11.485.947.877 | 5.467.287.000 |
| IDICO - INCO 10 | 7.971.327.509 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ môi trường Dương Nhật | 6.120.000.000 | - |
| Tổng công ty Cơ điện xây dựng - CTCP | - | 26.171.774.112 |
| Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6 - | - | 12.250.983.961 |
| Các đối tượng còn lại | 6.956.214.609 | 11.478.912.433 |
| **Tổng** | **32.533.489.995** | **55.368.957.506** |
| ***Trong đó: Trả trước cho người bán các bên liên quan*** *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)* | ***22.373.808.590*** | ***6.988.599.892*** |

## 5.6 PHẢI THU VỀ CHO VAY

| | 30/6/2023<br>VND | 01/01/2023<br>VND |
|---|---|---|
| **a) Ngắn hạn** | **130.250.000.000** | **49.250.000.000** |
| IDICO - MCI | 29.600.000.000 | 28.600.000.000 |
| IDICO - LINCO | 100.650.000.000 | 20.650.000.000 |
| **b) Dài hạn** | **5.540.000.000** | **5.540.000.000** |
| IDICO - TCC | 5.540.000.000 | 5.540.000.000 |
| **Tổng** | **135.790.000.000** | **54.790.000.000** |
| ***Trong đó: Phải thu về cho vay các bên liên quan*** *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)* | ***135.790.000.000*** | ***54.790.000.000*** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.7 PHẢI THU KHÁC

| | Tại ngày 30/6/2023 (VND) | | Tại ngày 01/01/2023 (VND) | |
|---|---|---|---|---|
| | **Giá trị ghi sổ** | **Dự phòng** | **Giá trị ghi sổ** | **Dự phòng** |
| **a) Ngắn hạn** | **813.271.403.761** | **(13.414.041.708)** | **236.832.745.475** | **(6.894.423.902)** |
| Lãi dự thu của các ngân hàng | 11.040.283.378 | - | 13.104.591.865 | - |
| Tạm ứng | 2.874.388.288 | - | 2.911.103.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ (i) | 314.204.961.198 | - | - | - |
| Phải thu khác (iii) | 485.151.770.897 | (13.414.041.708) | 220.817.050.610 | (6.894.423.902) |
| **b) Dài hạn** | **489.907.500.000** | - | **1.099.907.500.000** | - |
| Phải thu IDICO - LINCO | 129.490.000.000 | - | 129.490.000.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 360.417.500.000 | - | 970.417.500.000 | - |
| *- Công ty TNHH TM và DV Quỳnh Lan* | - | - | *260.000.000.000* | - |
| *- Công ty TNHH XD TM Tân Tạo (ii)* | *350.000.000.000* | - | *500.000.000.000* | - |
| *- Công ty cổ phần đầu tư Quyền Ngọc* | - | - | *100.000.000.000* | - |
| *- Công ty cổ phần Đầu tư Quỳnh Vy* | - | - | *100.000.000.000* | - |
| *- Các đối tượng còn lại* | *10.417.500.000* | - | *10.417.500.000* | - |
| **Tổng** | **1.303.178.903.761** | **(13.414.041.708)** | **1.336.740.245.475** | **(6.894.423.902)** |

(i) Đây là khoản đặt cọc để IDICO nhận chuyển nhượng dự án theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT ngày 09/5/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty IDICO – CTCP về việc thông qua chủ trương đầu tư kinh doanh dự án tại thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Theo Nghị quyết số 45/NQ-TCT ngày 15/11/2022 của Hội đồng quản trị IDICO về việc thông qua chủ trương hợp tác đầu tư dự án: Nhà xưởng dịch vụ IDICO-Tân Tạo với Vốn đầu tư dự kiến là 2.000 tỷ VND, trong đó IDICO góp 1.000 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 50%). Số tiền này sẽ được chuyển thành tiền góp vốn của IDICO khi các bên ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư theo quy định tại Điều 2.2 của Thỏa thuận ghi nhớ hợp tác đầu tư ngày 15/11/2022 giữa Tổng Công ty IDICO - CTCP và Công ty TNHH XD TM Tân Tạo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.7 PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

**(iii) Chi tiết số dư phải thu khác theo đối tượng**

| | Tại ngày 30/6/2023 (VND) | | Tại ngày 01/01/2023 (VND) | |
|---|---|---|---|---|
| | **Giá trị ghi sổ** | **Dự phòng** | **Giá trị ghi sổ** | **Dự phòng** |
| | **485.151.770.897** | **(13.414.041.708)** | **220.817.050.610** | **(6.894.423.902)** |
| Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Đức Hòa | 25.788.443.006 | - | 23.677.292.126 | - |
| IDICO - URBIZ | 10.080.854.929 | - | - | - |
| IDICO-ISC | 4.484.576.301 | - | 19.484.576.301 | - |
| IDICO - LINCO | 17.769.181.087 | - | 20.454.233.142 | - |
| IDICO - MCI | 7.289.164.184 | (3.339.326.114) | 5.799.092.855 | (1.742.037.257) |
| IDICO - INCO 10 | 5.971.061.313 | (5.327.989.045) | 6.071.061.313 | (5.152.386.645) |
| IDICO - SHP | 15.360.000.000 | - | 29.539.200.000 | - |
| IDICO - CONAC | - | - | 36.720.000.000 | - |
| IDICO - IDI | - | - | 14.345.790.000 | - |
| IDICO - INCON | 1.812.000.000 | - | 1.812.000.000 | - |
| IDICO - TCC | 9.773.739.694 | (4.746.726.549) | 9.490.820.242 | - |
| LAMA IDICO | 885.512.800 | - | 885.512.800 | - |
| Đinh Thị Thúy (iv) | 170.000.000.000 | - | - | - |
| Nguyễn Lê Mai Thi (v) | 155.000.000.000 | - | - | - |
| Đối tượng khác | 60.937.237.583 | - | 52.537.471.831 | - |
| **Tổng** | **485.151.770.897** | **(13.414.041.708)** | **220.817.050.610** | **(6.894.423.902)** |
| ***Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan*** *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)* | ***202.916.090.308*** | | ***274.092.286.653*** | |

(iv) Đây là số tiền ủy thác theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2023/UTĐT ngày 03/01/2023 giữa Tổng Công ty IDICO - CTCP (Bên A) và Bà Đinh Thị Thúy (Bên B) về việc Bên A ủy thác cho Bên B để đầu tư vào các Công ty hoạt động trong lĩnh vực Thủy Điện.

(v) Đây là số tiền ủy thác theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 02/2023/UTĐT ngày 14/6/2023 giữa Tổng công ty IDICO - CTCP (Bên A) và Bà Nguyễn Lê Mai Thi về việc Bên A ủy thác cho Bên B để sử dụng số tiền ủy thác đầu tư vào các Công ty hoạt động trong lĩnh vực Thủy Điện, bất động sản khu công nghiệp hoặc xây dựng theo hình thức góp vốn hoặc mua cổ phần/phần góp trong các Công ty này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.8 NỢ XẤU

| | Tại ngày 30/6/2023 (VND) | | Tại ngày 01/01/2023 (VND) | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| **Phải thu khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi** | **49.333.491.363** | **12.401.506.472** | **49.333.491.363** | **16.003.249.880** |
| Công ty TNHH Trịnh Gia Thịnh | 31.793.934.199 | 9.710.677.155 | 31.793.934.199 | 11.313.605.434 |
| Công ty TNHH Sản xuất Hammer | 3.191.399.755 | 119.069.635 | 3.191.399.755 | 166.697.489 |
| Công ty TNHH TM XD Đại Đạt | 4.570.751.661 | 635.535.034 | 4.570.751.661 | 896.313.120 |
| Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Thành Đạt | 1.012.686.499 | - | 1.012.686.499 | - |
| Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ | 5.818.912.411 | 727.151.433 | 5.818.912.411 | 1.828.399.254 |
| Công ty Cổ phần Logistics Phú Mỹ 2 | 2.945.806.838 | 1.209.073.215 | 2.945.806.838 | 1.798.234.583 |
| **Phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi** | **23.033.965.191** | **9.619.923.483** | **11.870.154.168** | **4.975.730.266** |
| IDICO -INCO 10 | 5.971.061.313 | 643.072.268 | 6.071.061.313 | 918.674.668 |
| IDICO - MCI | 7.289.164.184 | 3.949.838.070 | 5.799.092.855 | 4.057.055.598 |
| IDICO-TCC | 9.773.739.694 | 5.027.013.145 | - | - |
| **Tổng** | **72.367.456.554** | **22.021.429.955** | **61.203.645.531** | **20.978.980.146** |

## 5.9 HÀNG TỒN KHO

| | Tại ngày 30/6/2023 (VND) | | Tại ngày 01/01/2023 (VND) | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 69.352.887 | - | 64.474.100 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 7.650.000.000 | - | 2.550.000.000 | - |
| Hàng hóa bất động sản | 9.658.377.960 | - | 9.658.377.960 | - |
| **Tổng** | **17.377.730.847** | **-** | **12.272.852.060** | **-** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.10 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

*Đơn vị tính: VND*

| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị dụng cụ quản lý | TSCĐ hữu hình khác | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | | | |
| **Số dư tại ngày 01/01/2023** | **2.409.105.636.983** | **420.170.072.270** | **24.850.242.622** | **2.096.913.307** | **12.463.782.287** | **2.868.686.647.469** |
| **Tăng trong kỳ** | **47.928.171** | - | - | - | - | **47.928.171** |
| Phân loại | 47.928.171 | - | - | - | - | 47.928.171 |
| **Giảm trong kỳ** | **(36.255.288)** | - | - | - | **(47.928.171)** | **(84.183.459)** |
| Phân loại và khác | (36.255.288) | - | - | - | (47.928.171) | (84.183.459) |
| **Số dư tại ngày 30/6/2023** | **2.409.117.309.866** | **420.170.072.270** | **24.850.242.622** | **2.096.913.307** | **12.415.854.116** | **2.868.650.392.181** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | | | |
| **Số dư tại ngày 01/01/2023** | **824.178.564.849** | **165.053.945.206** | **19.165.643.739** | **1.388.179.314** | **12.389.797.882** | **1.022.176.130.990** |
| **Tăng trong kỳ** | **31.923.216.519** | **13.482.548.074** | **598.396.719** | **104.787.207** | **26.056.234** | **46.135.004.753** |
| Khấu hao trong kỳ | 31.923.216.519 | 13.482.548.074 | 598.396.719 | 104.787.207 | 26.056.234 | 46.135.004.753 |
| **Giảm trong kỳ** | - | - | - | - | - | - |
| **Số dư tại ngày 30/6/2023** | **856.101.781.368** | **178.536.493.280** | **19.764.040.458** | **1.492.966.521** | **12.415.854.116** | **1.068.311.135.743** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | | | |
| **Tại ngày 01/01/2023** | **1.584.927.072.134** | **255.116.127.064** | **5.684.598.883** | **708.733.993** | **73.984.405** | **1.846.510.516.479** |
| **Tại ngày 30/6/2023** | **1.553.015.528.498** | **241.633.578.990** | **5.086.202.164** | **603.946.786** | - | **1.800.339.256.438** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.10 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2023 là 1.223.111.247.952 VND (tại ngày 31/12/2022 là 1.577.330.881.499 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 424.482.702.849 VND (tại ngày 31/12/2022 là 209.861.896.296 VND).

## 5.11 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất<br>VND | Tổng<br>VND |
|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | |
| **Số dư tại ngày 01/01/2023** | **4.534.881.472.150** | **4.534.881.472.150** |
| **Tăng trong kỳ** | - | - |
| **Giảm trong kỳ** | - | - |
| **Số dư tại ngày 30/6/2023** | **4.534.881.472.150** | **4.534.881.472.150** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | |
| **Số dư tại ngày 01/01/2023** | **792.526.320.947** | **792.526.320.947** |
| **Tăng trong kỳ** | **370.177.938.704** | **370.177.938.704** |
| Khấu hao trong kỳ | 370.177.938.704 | 370.177.938.704 |
| **Giảm trong kỳ** | - | - |
| **Số dư tại ngày 30/6/2023** | **1.162.704.259.651** | **1.162.704.259.651** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | |
| **Tại ngày 01/01/2023** | **3.742.355.151.203** | **3.742.355.151.203** |
| **Tại ngày 30/6/2023** | **3.372.177.212.499** | **3.372.177.212.499** |

Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2023 là 2.551.832.814.845 VND (tại ngày 31/12/2022 là 3.030.909.765.927 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 53.119.456.086 VND.

## 5.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

| | 30/6/2023<br>VND | 01/01/2023<br>VND |
|---|---|---|
| Khu công nghiệp Hựu Thạnh | 1.246.791.611.271 | 945.798.213.990 |
| Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng | 70.338.465.122 | 32.201.300.989 |
| Khu công nghiệp Cầu Nghìn | 190.788.304.702 | 71.069.090.165 |
| Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 | 28.309.766.972 | 16.286.175.372 |
| Khu tái định cư Khu công nghiệp Hựu Thạnh | 67.105.704.549 | 71.662.985.315 |
| Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 | 732.943.095 | 41.390.018 |
| Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 | 12.888.757.400 | - |
| Nhà máy xử lý nước thải KCN Nhơn Trạch 5 | 36.082.596.368 | 7.219.591.473 |
| Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 | 4.092.631.357 | 4.020.284.983 |
| Nhà máy xử lý nước thải KCN Hựu Thạnh | 47.462.881.318 | 41.394.134.025 |
| Nhà xưởng- KCN Hựu Thạnh | 50.345.082.147 | 36.998.846.818 |
| Các công trình khác | 18.350.764.941 | 3.825.009.245 |
| **Tổng** | **1.773.289.509.242** | **1.230.517.022.393** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 30/6/2023<br>VND | 01/01/2023<br>VND |
|---|---|---|
| **a) Ngắn hạn** | **18.776.495.435** | **24.273.670.003** |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 61.032.118 | 3.590.488.722 |
| Chi phí SXKD trả trước | 18.715.463.317 | 20.683.181.281 |
| **b) Dài hạn** | **241.185.504.669** | **259.862.055.799** |
| Chi phí trả trước tiền thuê đất | 185.644.232.460 | 188.556.094.834 |
| *Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (i)* | *109.201.961.240* | *111.712.798.614* |
| *Khu công nghiệp Hựu Thạnh (ii)* | *76.442.271.220* | *76.843.296.220* |
| Chi phí khắc phục sự cố Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 | 55.190.858.573 | 71.305.960.965 |
| Chi phí nạo vét mở rộng lòng sông hạ lưu kênh xả Thủy điện Đak Mi 3 | 350.413.636 | - |
| **Tổng** | **259.962.000.104** | **284.135.725.802** |

(i) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu): Là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/6/2023, Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với việc ghi nhận doanh thu, giá vốn một lần trong kỳ.

(ii) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An): Là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 30/6/2023, Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với việc ghi nhận doanh thu, giá vốn một lần trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

*Đơn vị tính: VND*

| | 01/01/2023 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | 30/6/2023 |
|---|---|---|---|---|
| **Phải nộp** | **358.697.661.992** | **285.193.375.844** | **468.275.584.888** | **175.615.452.948** |
| Thuế GTGT | 2.983.179.462 | 133.111.332.513 | 52.372.751.883 | 83.721.760.092 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 351.228.886.532 | 108.512.375.377 | 370.894.060.186 | 88.847.201.723 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.045.352.303 | 20.869.465.056 | 21.286.895.504 | 627.921.855 |
| Thuế tài nguyên | 3.101.463.219 | 13.299.635.943 | 15.415.071.540 | 986.027.622 |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 159.516.209 | 67.635.435 | 67.635.435 | 159.516.209 |
| Các loại thuế khác | 179.264.267 | 5.000.000 | 5.000.000 | 179.264.267 |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 9.327.931.520 | 8.234.170.340 | 1.093.761.180 |
| **Phải thu** | **139.849.000** | **139.849.000** | **-** | **-** |
| Các loại thuế khác nộp thừa | 139.849.000 | 139.849.000 | - | - |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Tại ngày 30/6/2023 (VND) | | Tại ngày 01/01/2022 (VND) | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ |
| IDICO - LINCO | 20.891.429.529 | 20.891.429.529 | 753.870.312 | 753.870.312 |
| IDICO - URBIZ | 6.100.251.085 | 6.100.251.085 | 60.667.544.086 | 60.667.544.086 |
| Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Thái Linh | 10.199.446.258 | 10.199.446.258 | - | - |
| Tổng công ty Cơ điện xây dựng - CTCP | 10.028.892.731 | 10.028.892.731 | - | - |
| IDICO-ISC | 5.690.386.488 | 5.690.386.488 | 24.104.858.700 | 24.104.858.700 |
| Công ty TNHH XD TM DV Nghĩa Bình | 3.987.495.156 | 3.987.495.156 | 64.983.034.645 | 64.983.034.645 |
| Công ty CP Đầu tư và phát triển hợp nhất Sài Gòn | 9.869.045.044 | 9.869.045.044 | - | - |
| Các đối tượng khác | 32.790.323.634 | 32.790.323.634 | 127.743.949.996 | 127.743.949.996 |
| **Tổng** | **99.557.269.925** | **99.557.269.925** | **278.253.257.739** | **278.253.257.739** |
| ***Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan*** *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)* | ***42.075.352.551*** | ***42.075.352.551*** | ***104.805.485.291*** | ***104.805.485.291*** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 30/6/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|---|---|---|
| Trích trước chi phí lãi vay dự trả: | 15.776.482.248 | 16.593.487.838 |
| *- Nhà máy thủy điện Đak Mi 3* | *13.303.054.954* | *11.559.415.672* |
| *- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng* | *261.449.006* | *434.634.621* |
| *- Khu công nghiệp Hựu Thạnh* | *2.055.799.934* | *1.225.266.054* |
| *- Các Hợp đồng vay ngắn hạn* | *156.178.354* | *3.374.171.491* |
| Chi phí Dự án và Nhà máy XLNT KCN Nhơn Trạch | 7.196.929.352 | 7.196.929.352 |
| Chi phí Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2 | 748.387.558 | 748.387.558 |
| Chi phí Dự án KCN Mỹ Xuân A | 6.370.278.045 | 6.370.278.045 |
| Chi phí Nhà máy xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân A | 767.200.000 | 767.200.000 |
| Trích trước chi phí thuế tài nguyên và phí | - | 6.900.181.593 |
| Trích trước chi phí hoa hồng, môi giới Khu công nghiệp | 1.143.443.182 | - |
| Trích trước chi phí khác | 130.836.581 | - |
| **Tổng** | **32.133.556.966** | **38.576.464.386** |

## 5.17 PHẢI TRẢ KHÁC

| | 30/6/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|---|---|---|
| **a) Ngắn hạn** | **160.017.332.589** | **166.412.018.109** |
| Kinh phí công đoàn | 366.985.000 | 121.295.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 113.821.048.970 | 99.102.898.865 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 502.856.500 | 442.748.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác (i) | 45.326.442.119 | 66.745.076.244 |
| **b) Dài hạn** | **580.000.000.000** | **580.000.000.000** |
| IDICO - ITC (ii) | 580.000.000.000 | 580.000.000.000 |
| **Tổng** | **740.017.332.589** | **746.412.018.109** |

| **(i) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác** | 30/6/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|---|---|---|
| Công ty CP Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (iii) | 45.103.258.837 | 45.103.258.837 |
| IDICO - URBIZ | - | 21.574.352.407 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 223.183.282 | 67.465.000 |
| **Tổng** | **45.326.442.119** | **66.745.076.244** |
| ***Trong đó: Phải trả khác các bên liên quan*** *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)* | ***580.000.000.000*** | ***601.574.352.407*** |

(ii) IDICO-ITC góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Vinh Quang, theo thỏa thuận ghi nhớ hợp tác đầu tư được ký giữa Tổng Công ty IDICO-CTCP và Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang ngày 05/05/2022. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh dự án theo quy định cụ thể tại hợp đồng hợp tác đầu tư chính thức khi các bên thống nhất ký kết.

(iii) Theo Thỏa thuận ngày 22/8/2019 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (Đại Quang Minh) về việc hoàn trả các chi phí liên quan đến khu đất khoảng 26,4ha nằm về phía Bắc Quốc lộ 10 thuộc Dự án Khu công nghiệp Cầu Nghìn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

| | Tại ngày 30/6/2023 (VND) | | Trong kỳ (VND) | | Tại ngày 01/01/2023 (VND) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| **a) Vay ngắn hạn** | **284.497.677.550** | **284.497.677.550** | **-** | **68.269.550.890** | **352.767.228.440** | **352.767.228.440** |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (i) | 99.993.850.000 | 99.993.850.000 | - | - | 99.993.850.000 | 99.993.850.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế (ii) | 59.503.827.550 | 59.503.827.550 | - | - | 59.503.827.550 | 59.503.827.550 |
| Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh TP.HCM | - | - | - | 57.693.550.890 | 57.693.550.890 | 57.693.550.890 |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh | - | - | - | 10.576.000.000 | 10.576.000.000 | 10.576.000.000 |
| IDICO-URBIZ (iii) | 125.000.000.000 | 125.000.000.000 | - | - | 125.000.000.000 | 125.000.000.000 |
| **b) Nợ dài hạn đến hạn trả** | **192.197.000.000** | **192.197.000.000** | **80.000.000.000** | **92.198.000.000** | **204.395.000.000** | **204.395.000.000** |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (iv) | 32.197.000.000 | 32.197.000.000 | - | 32.198.000.000 | 64.395.000.000 | 64.395.000.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (v) | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành (vi) | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 | 20.000.000.000 | - | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

| | Tại ngày 30/6/2023 (VND) | | Trong kỳ (VND) | | Tại ngày 01/01/2023 (VND) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| **c) Vay dài hạn** | **1.793.905.796.917** | **1.793.905.796.917** | **377.526.926.208** | **80.000.000.000** | **1.496.378.870.709** | **1.496.378.870.709** |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Quảng Nam (v) | 400.246.251.115 | 400.246.251.115 | - | 60.000.000.000 | 460.246.251.115 | 460.246.251.115 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành (vi) | 1.393.659.545.802 | 1.393.659.545.802 | 377.526.926.208 | 20.000.000.000 | 1.036.132.619.594 | 1.036.132.619.594 |
| **d) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp** | **400.000.000.000** | **400.000.000.000** | - | - | **400.000.000.000** | **400.000.000.000** |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (vii) | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 | - | - | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Ngân hàng BUSAN - Chi nhánh TP.HCM (viii) | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 | - | - | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Ngân hàng DAEGU - Chi nhánh TP.HCM (ix) | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 | - | - | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Ngân hàng KEB HANA - Chi nhánh TP. HCM (x) | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 | - | - | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| **Tổng** | **2.670.600.474.467** | **2.670.600.474.467** | **457.526.926.208** | **240.467.550.890** | **2.453.541.099.149** | **2.453.541.099.149** |
| ***Trong đó: Vay ngắn hạn là các bên liên quan*** *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)* | *125.000.000.000* | *125.000.000.000* | - | - | *125.000.000.000* | *125.000.000.000* |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

***(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM***

Số hợp đồng : Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2022/378281.HĐ ngày 19/8/2022 có hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VND.

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh

Thời hạn thấu chi: : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

Lãi suất : Lãi suất hợp đồng tiền gửi cao nhất đối ứng là TSĐB + 0,3%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, định kỳ vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất hoặc theo thông báo lãi suất của BIDV tùy theo tình hình biến động lãi suất của thị trường trong từng thời kỳ.

Tài sản đảm bảo : Bên vay cầm cố các Hợp đồng tiền gửi/Hợp đồng cho vay/Giấy tờ có giá sau để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay tại ngân hàng:

| Stt | Tên tài sản cầm cố | Số hợp đồng | Giá trị (VND) |
|---|---|---|---|
| 1 | Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn | 04/2022/HĐTG.310.378281 | 20.000.000.000 |
| 2 | Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn | 05/2022/HĐTG.310.378281 | 20.000.000.000 |
| 3 | Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn | 06/2022/HĐTG.310.378281 | 20.000.000.000 |
| 4 | Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn | 07/2022/HĐTG.310.378281 | 20.000.000.000 |
| 3 | Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn | 08/2022/HĐTG.310.378281 | 20.000.000.000 |
| | **Tổng** | | **100.000.000.000** |

Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023: 99.993.850.000 VND

**(ii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế**

Số hợp đồng : Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 02/2023/378281/HĐ ký ngày 31/3/2023 Tổng hạn mức cho vay là 60.000.000.000 VND.

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh

Thời hạn hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

Lãi suất : 5,8%/năm (được áp dụng đến ngày 07/9/2023) và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo : Hợp đồng cầm cố tài sản số 02/2020/378281/HĐBĐ ngày 10/01/2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cầm cố số 01/2022/378281/HĐSĐ ngày 07/9/2022.

Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 : 59.503.827.550 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

### (iii) Vay ngắn hạn Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO (URBIZ)

| | | |
|---|---|---|
| Số hợp đồng | : | Hợp đồng vay vốn 31.10/2022/HĐVV ngày 31/10/2022. Tổng số tiền vay là 125.000.000.000 VND |
| Mục đích vay | : | Thanh toán các chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển các dự án của Tổng công ty IDICO - CTCP |
| Thời hạn hạn mức | : | Tối đa 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng vay vốn. |
| Lãi suất | : | 10%/năm và lãi suất cho vay cố định trong suốt thời gian vay. |
| Tài sản đảm bảo | : | Tín chấp |
| Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 | : | 125.000.000.000 VND. |

### (iv) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

| | | |
|---|---|---|
| Số hợp đồng | : | Hợp đồng tín dụng khung số 43/2015/378281/HĐTDK và hợp đồng tín dụng thành phần số 43/2015/378281/HĐTDTP01; số 43/2015/378281/HĐTDTP02 và 43/2015/378281/HĐTDTP03 ký ngày 28/09/2015. Tổng hạn mức cho vay là 328.000.000.000 VND. |
| Mục đích vay | : | Vay tài trợ dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng do Tổng công ty làm chủ đầu tư |
| Thời hạn vay | : | Thời hạn vay 96 tháng (08 năm) kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn rút vốn 90 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng khung. Thời gian ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng tín dụng thành phần này. |
| Lãi suất | : | Lãi suất trong hạn là lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ niêm yết tại ngân hàng tại thời điểm rút vốn vay (hoặc vào thời điểm điều chỉnh lãi suất khi đến kỳ điều chỉnh lãi) +3,2%. Lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn tối đa 150% lãi suất trong hạn. |
| Tài sản đảm bảo | : | Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai là dự án (bao gồm cả tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay) |
| Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 | : | 32.197.000.000 VND. |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

**(v) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam**

| | | |
|---|---|---|
| Số hợp đồng | : | Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD-ĐM3 ngày 09/3/2015 có hạn mức tín dụng 1.047.000.000.000 VND. |
| Mục đích vay | : | Để thực hiện Dự án Thủy điện Đak Mi 3 . |
| Thời hạn vay | : | Thời hạn vay 15 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. |
| Lãi suất | : | Lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm bình quân có kỳ hạn 12 tháng và lãi suất biên là 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn. |
| Tài sản đảm bảo | : | Khoản vay được bảo đảm bằng Tài sản dự án |
| Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 | : | 480.246.251.115 VND (Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả là 80.000.000.000 VND và nợ dài hạn là 400.246.251.115 VND). |

**(vi) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành gồm hai hợp đồng như sau:**

**(a) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022**

| | | |
|---|---|---|
| Số hợp đồng | : | Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 700.000.000.000 VND. |
| Mục đích vay | : | Trả nợ trước hạn khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2018 đã giải ngân để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hựu Thạnh. |
| Thời hạn vay | : | Thời hạn cho vay đến ngày 24/4/2028 và không vượt quá thời hạn cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2022. |
| Lãi suất | : | Lãi suất 6,8%/năm đầu tiên, lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên 2,7% những năm tiếp theo |
| Tài sản đảm bảo | : | Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất tối thiểu là 4.396.991 $m^2$ theo GCN QSD đất số CY 741306 cấp ngày 18/12/2020 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty IDICO -CTCP phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam. |
| Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 | : | 593.700.000.000 VND (Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả là 80.000.000.000 VND và nợ dài hạn là 513.700.000.000 VND). |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN TIẾP THEO)

### (b) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022

| | | |
|---|---|---|
| Số hợp đồng | : | Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 800.000.000.000 VND. |
| Mục đích vay | : | Trả nợ trước hạn khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2018 đã giải ngân để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hựu Thạnh. |
| Thời hạn vay | : | Thời hạn cho vay đến ngày 24/4/2028 và không vượt quá thời hạn cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2022. |
| Lãi suất | : | Lãi suất 6,8%/năm đầu tiên, lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên 2,7% những năm tiếp theo |
| Tài sản đảm bảo | : | Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất tối thiểu là 4.396.991 $m^2$ theo GCN QSD đất số CY 741306 cấp ngày 18/12/2020 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty IDICO -CTCP phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam. |
| Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 | : | 800.000.000.000 VND |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN TIẾP THEO)

**(c) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03/2021-HDDCVDADDT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022**

| | | |
|---|---|---|
| Số hợp đồng | : | Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 2.000.000.000.000 VND. |
| Mục đích vay | : | Để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Hựu Thạnh (không bao gồm các chi phí đã được ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh giải ngân cho vay Dự án). |
| Thời hạn vay | : | Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên. Bên vay không phải thực hiện trả nợ gốc trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Giải ngân đầu tiên. |
| Lãi suất | : | Lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên 2,7%. |
| Tài sản đảm bảo | : | Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất tối thiểu là 4.396.991 m2 theo GCN QSD đất số CY 741306 cấp ngày 18/12/2020 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty IDICO - CTCP phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam. |
| Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 | : | 79.959.545.802 VND |

**(vii) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng số 3103/2022/10/HDDDCSH-IDC-SHBVN SSD-SSV ngày 07/4/2022.**

| | | |
|---|---|---|
| Tổ chức phát hành | : | Tổng công ty IDICO – CTCP |
| Mục đích phát hành | : | Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 |
| Hình thức trái phiếu | : | Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ |
| Mệnh giá trái phiếu | : | 1.000.000.000 VND |
| Khối lượng trái phiếu | : | 100 trái phiếu |
| Lãi suất trái phiếu | : | Cố định 8%/năm |
| Kỳ thanh toán lãi | : | Trả cuối kỳ, định kỳ 6 tháng một lần |
| Ngày phát hành | : | Ngày 07/4/2022 |
| Ngày đáo hạn | : | Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm) |
| Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu | : | Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam) |
| Tổng giá trị đã phát hành | : | 100.000.000.000 VND |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

**(viii) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng BUSAN - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 3103/2022/07/HDDM-IDC-BUSAN HCM ngày 07/4/2022.**

| | | |
|---|---|---|
| Tổ chức phát hành | : | Tổng công ty IDICO – CTCP |
| Mục đích phát hành | : | Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 |
| Hình thức trái phiếu | : | Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ |
| Mệnh giá trái phiếu | : | 1.000.000.000 VND |
| Khối lượng trái phiếu | : | 100 trái phiếu |
| Lãi suất trái phiếu | : | Cố định 8%/năm |
| Kỳ thanh toán lãi | : | Trả cuối kỳ, định kỳ 6 tháng một lần |
| Ngày phát hành | : | Ngày 07/4/2022 |
| Ngày đáo hạn | : | Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm) |
| Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu | : | Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam) |
| Tổng giá trị đã phát hành | : | 100.000.000.000 VND |

**(ix) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng DEAGU - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 3103/2022/08/HDDM-IDC- DEAGU HCM ngày 07/4/2022.**

| | | |
|---|---|---|
| Tổ chức phát hành | : | Tổng Công ty IDICO - CTCP |
| Mục đích phát hành | : | Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 |
| Hình thức trái phiếu | : | Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ |
| Mệnh giá trái phiếu | : | 1.000.000.000 VND |
| Khối lượng trái phiếu | : | 100 trái phiếu |
| Lãi suất trái phiếu | : | Cố định 8%/năm |
| Kỳ thanh toán lãi | : | Trả cuối kỳ, định kỳ 6 tháng một lần |
| Ngày phát hành | : | Ngày 07/4/2022 |
| Ngày đáo hạn | : | Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm) |
| Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu | : | Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam) |
| Tổng giá trị đã phát hành | : | 100.000.000.000 VND |

**(x) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng KEB HANA - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 3103/2022/05/HDDM-IDC-KEB HANA ngày 07/4/2022.**

| | | |
|---|---|---|
| Tổ chức phát hành | : | Tổng Công ty IDICO - CTCP |
| Mục đích phát hành | : | Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 |
| Hình thức trái phiếu | : | Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ |
| Mệnh giá trái phiếu | : | 1.000.000.000 VND |
| Khối lượng trái phiếu | : | 100 trái phiếu |
| Lãi suất trái phiếu | : | Cố định 8%/năm |
| Kỳ thanh toán lãi | : | Trả cuối kỳ, định kỳ 6 tháng một lần |
| Ngày phát hành | : | Ngày 07/4/2022 |
| Ngày đáo hạn | : | Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm) |
| Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu | : | Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam) |
| Tổng giá trị đã phát hành | : | 100.000.000.000 VND |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

| | 30/6/2023<br>VND | 01/01/2023<br>VND |
|---|---|---|
| **a) Ngắn hạn** | **160.741.058.620** | **106.936.692.722** |
| Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp: | | |
| - Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 5 | 9.598.876.213 | - |
| - Khu Công nghiệp Phú Mỹ 2 | 64.752.386.364 | 47.591.977.015 |
| - Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A | 20.494.312.844 | 430.150.152 |
| - Khu Công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng | 55.279.354.724 | 49.058.536.397 |
| - Khu Công nghiệp Cầu Nghìn | 953.201.382 | 679.979.528 |
| - Khu Công nghiệp Hựu Thạnh | 9.662.927.093 | 9.176.049.630 |
| **b) Dài hạn** | **3.479.199.302.864** | **3.154.906.815.678** |
| Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp: | | |
| - Khu Công nghiệp Phú Mỹ 2 | 1.442.291.401.715 | 1.456.563.112.343 |
| - Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A | 536.320.256 | 669.942.929 |
| - Khu Công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng | 1.589.736.085.191 | 1.482.322.827.605 |
| - Khu Công nghiệp Cầu Nghìn | 37.641.295.239 | 26.152.198.940 |
| - Khu Công nghiệp Hựu Thạnh | 408.994.200.463 | 189.198.733.861 |
| **Tổng** | **3.639.940.361.484** | **3.261.843.508.400** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

### *a.* Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

*Đơn vị tính: VND*

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|
| **Số dư tại ngày 01/01/2022** | **3.000.000.000.000** | **41.722.046.647** | **-** | **639.814.821.706** | **3.681.536.868.353** |
| **Tăng trong năm** | **299.999.290.000** | **-** | **-** | **1.697.797.565.302** | **1.997.796.855.302** |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 1.697.797.565.302 | 1.697.797.565.302 |
| Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu | 299.999.290.000 | - | - | - | 299.999.290.000 |
| **Giảm trong năm** | **-** | **-** | **-** | **(1.146.769.148.000)** | **(1.146.769.148.000)** |
| Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp | - | - | - | (2.000.000.000) | (2.000.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (4.770.000.000) | (4.770.000.000) |
| Chia cổ tức năm 2021 bằng tiền | - | - | - | (180.000.000.000) | (180.000.000.000) |
| Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu | - | - | - | (299.999.290.000) | (299.999.290.000) |
| Tạm ứng cổ tức năm 2022 (i) | - | - | - | (659.999.858.000) | (659.999.858.000) |
| **Số dư tại ngày 31/12/2022** | **3.299.999.290.000** | **41.722.046.647** | **-** | **1.190.843.239.008** | **4.532.564.575.655** |
| **Số dư tại ngày 01/01/2023** | **3.299.999.290.000** | **41.722.046.647** | **-** | **1.190.843.239.008** | **4.532.564.575.655** |
| **Tăng trong kỳ** | **-** | **-** | **511.865.381.008** | **576.899.642.918** | **1.088.765.023.926** |
| Lãi trong kỳ này | - | - | - | 576.899.642.918 | 576.899.642.918 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (i) | - | - | 511.865.381.008 | - | 511.865.381.008 |
| **Giảm trong kỳ** | **-** | **-** | **-** | **(1.190.843.239.008)** | **(1.190.843.239.008)** |
| Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp (i) | - | - | - | (2.000.000.000) | (2.000.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) | - | - | - | (16.978.000.000) | (16.978.000.000) |
| Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền (i) | - | - | - | (659.999.858.000) | (659.999.858.000) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (i) | - | - | - | (511.865.381.008) | (511.865.381.008) |
| **Số dư tại ngày 30/6/2023** | **3.299.999.290.000** | **41.722.046.647** | **511.865.381.008** | **576.899.642.918** | **4.430.486.360.573** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN DỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(i) IDICO thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21/4/2023 như sau:

- Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp: 2.000.000.000 VND.

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 16.978.000.000 VND (tương đương 1% Lợi nhuận sau thuế năm 2022).

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 511.865.381.008 VND

- Chia cổ tức bằng tiền mặt: 1.319.999.716.000 VND (tương ứng 40%/cổ phiếu), cụ thể:

++ IDICO thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết số 32/NQ-TCT ngày 09/8/2022 của HĐQT Tổng công ty IDICO và Thông báo số 71/TB-TCT ngày 22/8/2022 của Hội đồng quản trị về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 20%, tương ứng số tiền là 659.999.858.000 VND.

++ Cổ tức còn lại trả (đợt 2) theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21/4/2023 và theo Thông báo số 16/TB-TCT ngày 17/4/2023 của Tổng công ty về việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 20%, tương ứng số tiền là 659.999.858.000 VND).

### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Tại ngày 30/6/2023 | | | Tại ngày 01/01/2023 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đối tượng** | **Tỷ lệ** | **Số CP** | **Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)** | **Tỷ lệ** | **Số CP** | **Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)** |
| Công ty cổ phần Tập đoàn SSG | 22,50% | 74.250.000 | 742.500.000.000 | 22,50% | 74.250.000 | 742.500.000.000 |
| Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Bách Việt | 11,93% | 39.361.300 | 393.613.000.000 | 11,93% | 39.361.300 | 393.613.000.000 |
| Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác | 65,57% | 216.388.629 | 2.163.886.290.000 | 65,57% | 216.388.629 | 2.163.886.290.000 |
| **Tổng** | **100%** | **329.999.929** | **3.299.999.290.000** | **100%** | **329.999.929** | **3.299.999.290.000** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối eổ tức, chia lợi nhuận

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| **Vốn góp tại ngày 01 tháng 01** | **3.299.999.290.000** | **3.000.000.000.000** |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | 299.999.290.000 |
| Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| **Vốn góp tại ngày 30 tháng 6** | **3.299.999.290.000** | **3.299.999.290.000** |
| **Cổ tức, lợi nhuận đã chia** | **659.999.858.000** | **479.999.290.000** |

### d. Cổ phiếu

| | 30/6/2023 Cổ phiếu | 01/01/2023 Cổ phiếu |
|---|---|---|
| **Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành** | **329.999.929** | **329.999.929** |
| **Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng** | **329.999.929** | **329.999.929** |
| Cổ phiếu phổ thông | 329.999.929 | 329.999.929 |
| **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành** | **329.999.929** | **329.999.929** |
| Cổ phiếu phổ thông | 329.999.929 | 329.999.929 |
| *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)* | 10.000 | 10.000 |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 6.1 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **1.116.217.784.214** | **2.888.848.717.192** |
| Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp | 990.468.151.707 | 2.887.860.281.028 |
| Doanh thu kinh doanh điện (i) | 125.585.170.091 | - |
| Doanh thu dịch vụ khác | 164.462.416 | 988.436.164 |
| **Các khoản giảm trừ doanh thu** | - | - |
| Hàng bán trả lại | - | - |
| **Doanh thu thuần** | **1.116.217.784.214** | **2.888.848.717.192** |
| ***Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan*** *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)* | ***110.942.824*** | ***51.457.108.208*** |

(i) Doanh thu kinh doanh điện theo Hợp đồng mua bán điện số 03/2017/HĐ-NMĐ-Đak Mi 3 ngày 31/3/2017 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty IDICO về việc mua bán điện Nhà máy thủy điện Đak Mi 3.

### 6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| Giá vốn hạ tầng Khu công nghiệp | 401.657.954.833 | 932.569.291.934 |
| Giá vốn kinh doanh điện | 74.982.713.905 | 5.966.337.982 |
| Giá vốn dịch vụ khác | - | 988.436.164 |
| **Tổng** | **476.640.668.738** | **939.524.066.080** |

### 6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 61.251.369.310 | 38.402.342.275 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | - | 5.348.912.556 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 107.728.406.741 | 62.706.500.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 4.939.666 | - |
| **Tổng** | **168.984.715.717** | **106.457.754.831** |
| ***Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan*** *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)* | ***110.594.806.467*** | ***65.831.635.480*** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN DỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 60.959.827.512 | 28.741.902.726 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất các khoản đầu tư tài chính | 12.109.388.381 | - |
| **Tổng** | **73.069.215.893** | **28.741.902.726** |
| ***Chi phí phát sinh trong kỳ với các bên liên quan*** *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)* | ***6.198.630.137*** | - |

## 6.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| Chi phí hoa hồng môi giới và khác | 14.345.275.042 | - |
| **Tổng** | **14.345.275.042** | **-** |

## 6.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| Chi phí nhân viên quản lý | 16.459.143.963 | 11.689.595.882 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 572.235.718 | 466.120.406 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 543.187.316 | 363.172.863 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 2.404.932.010 | 1.158.719.670 |
| Thuế phí và lệ phí | 22.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dự phòng | 9.109.819.497 | (5.060.857.976) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.226.712.659 | 1.052.225.362 |
| Chi phí bằng tiền khác | 3.924.687.541 | 2.173.143.155 |
| **Tổng** | **37.262.718.704** | **11.845.119.362** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 6.7 LỢI NHUẬN KHÁC

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| ***Thu nhập khác*** | | |
| Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 685.829.000 |
| Lãi chậm thanh toán | 589.063.971 | 1.173.172.829 |
| Các khoản khác | 1.129.491.770 | 1.826.318.086 |
| **Tổng** | **1.718.555.741** | **3.685.319.915** |
| ***Chi phí khác*** | | |
| Các khoản khác | 191.159.000 | 569.805.053 |
| **Tổng** | **191.159.000** | **569.805.053** |
| **Lợi nhuận khác** | **1.527.396.741** | **3.115.514.862** |

## 6.8 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.064.608.148 | 667.803.367 |
| Chi phí nhân công | 25.390.796.841 | 21.992.898.871 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 416.312.943.457 | 568.710.051.502 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 36.732.356.261 | 19.233.388.960 |
| Chi phí khác bằng tiền | 39.575.395.191 | 5.899.013.197 |
| **Tổng** | **519.076.099.898** | **616.503.155.897** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 6.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| **Lợi nhuận kế toán trước thuế** | **685.412.018.295** | **2.018.310.898.717** |
| ***Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:*** | ***540.316.085*** | ***578.294.946*** |
| *Các khoản chi phí không được trừ* | *540.316.085* | *578.294.946* |
| ***Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:*** | ***107.728.406.741*** | ***62.706.500.000*** |
| *Cổ tức, lợi nhuận được chia* | *107.728.406.741* | *62.706.500.000* |
| **Thu nhập chịu thuế** | **578.223.927.639** | **1.956.182.693.663** |
| **Thu nhập tính thuế** | **578.223.927.639** | **1.956.182.693.663** |
| Thu nhập tính thuế kinh doanh bất động sản | 540.748.922.260 | 1.956.182.693.663 |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN của hoạt động bất động sản | 108.149.784.452 | 391.236.538.733 |
| Thu nhập tính thuế của các hoạt động khác | 37.475.005.379 | - |
| Bù lỗ năm 2022 chuyển sang | (35.662.050.755) | 20% |
| Thu nhập tính thuế của hoạt động khác | 1.812.954.624 | - |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN của hoạt động khác | 362.590.925 | - |
| **Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành** | **108.512.375.377** | **391.236.538.733** |
| **Chi phí thuế TNDN hiện hành** | **108.512.375.377** | **391.236.538.733** |

## 7. THÔNG TIN KHÁC

## 7.1 THÔNG TIN CÁC HỢP ĐỒNG GHI NHẬN DOANH THU TRÊN TỔNG SỐ TIỀN NHẬN TRƯỚC

Đối với các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu một lần thì ước tính chênh lệch về doanh thu và lợi nhuận nếu ghi nhận theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê, việc suy giảm doanh thu, lợi nhuận của các kỳ trong tương lai như sau:

| Nội dung | Khu công nghiệp Nhơn Trạch V | Khu công nghiệp Phú Mỹ II | Khu công nghiệp Phú Mỹ II Mở rộng | Khu công nghiệp Hựu Thạnh |
|---|---|---|---|---|
| Doanh thu hạch toán một lần | 1.441.876.871.432 | 246.248.624.309 | 432.256.771.173 | 1.215.452.721.680 |
| Giá vốn hạch toán một lần | 212.842.972.963 | 68.406.196.234 | 123.550.428.049 | 713.703.909.841 |
| Lợi nhuận gộp hạch toán một lần | 1.229.033.898.469 | 177.842.428.075 | 308.706.343.124 | 501.748.811.839 |
| Doanh thu phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng | 62.426.007.771 | 8.563.330.630 | 12.188.182.105 | 26.072.752.958 |
| Giá vốn phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng | 7.053.981.958 | 2.103.653.351 | 3.471.319.085 | 15.304.736.919 |
| Lợi nhuận gộp phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng | 55.372.025.813 | 6.459.677.279 | 8.716.863.020 | 10.768.016.039 |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN DỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

### 1) Danh sách các bên liên quan:

| Stt | Bên liên quan | Mối quan hệ | Tên viết tắt |
|---|---|---|---|
| 1 | Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO | Công ty con | IDICO - MCI |
| 2 | Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO | Công ty con | IDICO - UDICO |
| 3 | Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO | Công ty con | IDICO - LINCO |
| 4 | Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO | Công ty con | IDICO - CONAC |
| 5 | Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO | Công ty con | IDICO - INCO 10 |
| 6 | Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO | Công ty con | IDICO - INCON |
| 7 | Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO | Công ty con | IDICO - URBIZ |
| 8 | Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO | Công ty con | IDICO - SHP |
| 9 | Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO | Công ty con | IDICO - ID1 |
| 10 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ KCN IDICO | Công ty con | IDICO - ISC |
| 11 | Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO | Công ty con | IDICO - QUE VO |
| 12 | Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO | Công ty con | IDICO - TCC |
| 13 | Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang | Công ty con | IDICO - ITC |
| 14 | Công ty Cổ phần IDERGY | Công ty con | IDERGY |
| 15 | Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu | Công ty liên kết | BVEC |
| 16 | Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO | Công ty liên kết | LAMA IDICO |
| 17 | Các cá nhân quản lý (Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này. | Ảnh hưởng đáng kể | |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

### 2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác:

**a. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị:**

| Họ và tên | Chức danh | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|---|
| Ông Lê Bá Thọ | Nguyên Chủ tịch HĐQT | - | 655.766.000 |
| Bà Nguyễn Thị Như Mai | Chủ tịch HĐQT | 831.077.650 | 173.858.000 |
| Ông Đặng Chính Trung | Thành viên HĐQT | 114.500.111 | 93.888.111 |
| Ông Nguyễn Cao Nguyên | Nguyên thành viên HĐQT | 472.402.800 | 649.240.000 |
| Ông Nguyễn Việt Tuấn | Thành viên HĐQT | 34.500.000 | - |
| Bà Trần Thùy Giang | Thành viên HĐQT | 253.000.000 | - |
| Ông Tôn Thất Anh Tuấn | Thành viên HĐQT độc lập | 149.000.111 | 144.278.111 |
| Ông Nguyễn Duy | Nguyên thành viên HĐQT | 110.000.111 | 138.778.111 |
| **Tổng** | | **1.964.480.783** | **1.855.808.333** |

**b. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:**

| Họ và tên | Chức danh | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|---|
| Ông Hoàng Văn Hiến | Nguyên trưởng BKS | 459.000.000 | 537.534.000 |
| Ông Đào Hữu Thắng | Nguyên thành viên BKS | 92.000.000 | 86.446.000 |
| Bà Trần Thanh Linh | Nguyên thành viên BKS | - | 59.890.000 |
| Ông Võ Tấn Dũng | Nguyên thành viên BKS | 76.500.000 | 142.000.000 |
| **Tổng** | | **627.500.000** | **825.870.000** |

**c. Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác:**

| Họ và tên | Chức danh | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|---|
| Ông Đặng Chính Trung | Tổng giám đốc | 1.520.000.000 | 1.308.276.000 |
| Ông Nguyễn Hồng Hải | Phó Tổng giám đốc | 1.023.000.000 | 936.123.000 |
| Ông Phan Văn Chung | Nguyên Phó Tổng giám đốc | - | 510.659.000 |
| Ông Nguyễn Văn Minh | Phó Tổng giám đốc | 1.045.000.000 | 893.123.000 |
| Ông Phan Văn Chính | Phó Tổng giám đốc | 1.023.000.000 | 855.227.000 |
| Ông Nguyễn Việt Tuấn | Phó Tổng giám đốc, người được ủy quyền CBTT | 253.000.000 | - |
| Bà Trần Thị Ngọc | Kế toán trưởng | 950.000.000 | 745.571.000 |
| **Tổng** | | **5.814.000.000** | **5.248.979.000** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

**3) Trong kỳ, Tổng Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:**

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|---|
| **Bán hàng** | | **110.942.824** | **51.457.108.208** |
| IDICO - QUE VO | Dịch vụ | 83.358.000 | 83.358.000 |
| IDICO - ISC | Chuyển nhượng tài sản | - | 51.373.750.208 |
| IDICO-INCO 10 | Dịch vụ | 27.584.824 | - |
| **Mua hàng** | | **98.013.078.069** | **95.814.312.735** |
| IDICO - URBIZ | Khối lượng xây lắp, D.vụ | 15.922.565.709 | 19.664.686.970 |
| IDICO - LINCO | Khối lượng xây lắp | 54.866.110.593 | 53.834.460.443 |
| IDICO - UDICO | Khối lượng xây lắp | 163.297.654 | 661.051.126 |
| IDICO - INCON | Dịch vụ tư vấn | 3.031.711.597 | 2.310.972.254 |
| IDICO - ISC | Khối lượng xây lắp | 18.390.469.694 | 17.637.800.743 |
| IDICO - TCC | Khối lượng xây lắp | 960.000.000 | 1.705.341.199 |
| IDICO-CONAC | Dịch vụ | 2.782.829 | - |
| IDICO - INCO 10 | Khối lượng xây lắp | 4.676.139.993 | - |
| **Cổ tức được chia** | | **107.498.906.741** | **61.388.000.000** |
| IDICO - IDI | Cổ tức được chia | 11.476.632.000 | - |
| IDICO - UDICO | Cổ tức được chia | - | 12.240.000.000 |
| IDICO - CONAC | Cổ tức được chia | 45.900.000.000 | 2.550.000.000 |
| IDICO - URBIZ | Lợi nhuận về IDICO | 37.853.837.473 | - |
| IDICO - SHP | Cổ tức được chia | - | 46.598.000.000 |
| IDICO - ISC | Lợi nhuận về IDICO | 12.268.437.268 | - |
| **Lãi cho vay** | | **3.095.899.726** | **4.443.635.480** |
| IDICO - SHP | Lãi cho vay | - | 684.041.095 |
| IDICO - MCI | Lãi cho vay | 1.498.032.329 | 1.095.383.234 |
| IDICO - TCC | Lãi cho vay | 282.919.452 | 479.045.260 |
| IDICO - LINCO | Lãi cho vay | 1.314.947.945 | 2.185.165.891 |
| **Cho vay** | | **81.000.000.000** | **3.800.000.000** |
| IDICO - MCI | Cho vay | 1.000.000.000 | 3.800.000.000 |
| IDICO - LINCO | Cho vay | 80.000.000.000 | - |
| **Lãi vay** | | **6.198.630.137** | - |
| IDICO - URBIZ | Lãi đi vay | 6.198.630.137 | - |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

**4) Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:**

| Bên liên quan | 30/6/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|---|---|---|
| **Phải thu khách hàng** | | |
| IDICO - QUE VO | - | 91.693.800 |
| **Trả trước cho người bán** | - | 91.693.800 |
| IDICO - LINCO | **22.373.808.590** | **6.988.599.892** |
| IDICO - INCO 10 | 11.485.947.877 | 5.467.287.000 |
| IDICO - INCON | 7.971.327.509 | 946.567.819 |
| IDICO - MCI | 782.833.733 | 112.500.000 |
| IDICO - TCC | 138.089.282 | 154.000.000 |
| IDICO - UDICO | 308.245.073 | 308.245.073 |
| **Phải thu cho vay** | 1.687.365.116 | - |
| IDICO - MCI | **135.790.000.000** | **54.790.000.000** |
| IDICO - LINCO | 29.600.000.000 | 28.600.000.000 |
| IDICO - TCC | 100.650.000.000 | 20.650.000.000 |
| **Phải thu khác** | 5.540.000.000 | 5.540.000.000 |
| IDICO - IDI | **202.916.090.308** | **274.092.286.653** |
| IDICO - LINCO | - | 14.345.790.000 |
| IDICO - ISC | 147.259.181.087 | 149.944.233.142 |
| IDICO - INCO 10 | 4.484.576.301 | 19.484.576.301 |
| IDICO - CONAC | 5.971.061.313 | 6.071.061.313 |
| IDICO - MCI | - | 36.720.000.000 |
| IDICO - SHP | 7.289.164.184 | 5.799.092.855 |
| IDICO - INCON | 15.360.000.000 | 29.539.200.000 |
| IDICO - URBIZ | 1.812.000.000 | 1.812.000.000 |
| IDICO - TCC | 10.080.854.929 | - |
| LAMA IDICO | 9.773.739.694 | 9.490.820.242 |
| **Phải trả người bán** | 885.512.800 | 885.512.800 |
| IDICO - LINCO | **42.075.352.551** | **104.805.485.291** |
| IDICO - URBIZ | 20.891.429.529 | 753.870.312 |
| IDICO - INCON | 6.100.251.085 | 60.667.544.086 |
| IDICO - MCI | 1.505.746.307 | 2.067.027.149 |
| LAMA IDICO | - | 319.795.877 |
| IDICO - ISC | - | 962.760.776 |
| IDICO - INCO 10 | 5.690.386.488 | 24.104.858.700 |
| **Phải trả đi vay** | 7.887.539.142 | 15.929.628.391 |
| IDICO - URBIZ | **125.000.000.000** | **125.000.000.000** |
| **Phải trả khác** | 125.000.000.000 | 125.000.000.000 |
| IDICO - ITC | **580.000.000.000** | **601.574.352.407** |
| IDICO - URBIZ | 580.000.000.000 | 580.000.000.000 |
| | - | 21.574.352.407 |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

## 7.3 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Phó Tổng giám đốc |
|---|---|---|
| Trần Thị Ngọc Loan | Trần Thị Ngọc | Nguyễn Việt Tuấn |

M.S.D.N: 0302177966-C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

| | |
|---|---|
| TỔNG CÔNG TY IDICO | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 29 /UQ - TCT | *Tp. HCM, ngày 27 tháng 7 năm 2023* |

# GIẤY ỦY QUYỀN

**Người ủy quyền:**

Họ và tên: Đặng Chính Trung Sinh ngày: 10/11/1959

Số CCCD: 040059007082 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021.

Chức vụ: Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP, người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: 151 A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp: 0302177966

**Người được ủy quyền:**

Họ và tên: Nguyễn Việt Tuấn Sinh ngày: 3/8/1975

Số CCCD: 075075001705 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 1/5/2021.

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP.

Địa chỉ: 151 A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp: 0302177966

**Phạm vi ủy quyền:**

Ký Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất và Văn bản giải trình có liên quan đến Báo cáo tài chính của Tổng công ty IDICO - CTCP.

**Thời gian được ủy quyền:**

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế.

| | |
|---|---|
| **CHỮ KÝ**<br>**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN** | **CHỮ KÝ**<br>**NGƯỜI ỦY QUYỀN** |
| **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**<br>**Nguyễn Việt Tuấn** | **TỔNG GIÁM ĐỐC**<br>**Đặng Chính Trung** |

M.S.D.N: 0302177966-C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH